UBND TỈNH KIÊN GIANG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số3549 /SYT-TCCB V/v thống nhất bản tự công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.	*Kiên Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

Sở Y tế nhận được Bản tự công bố số 1045/BCB-TTYT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ tự công bố của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9, Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Thống nhất Bản tự công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

- Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0358/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Lê Văn Nhì

- Điện thoại liên hệ: 02972.232.308

- Ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y khoa, Dược học

- Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.

2. Trách nhiệm của cơ sở thực hành (Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang):

- Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

- Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

- Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

- Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

- Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

Sở Y tế thông báo đến Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Cục KHCN & Đào tạo BYT (báo cáo);
- Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng;
- Trường ĐH Kiên Giang (để biết);
- Trường CĐYT Kiên Giang (để biết);
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- VPĐT SYT;
- Các phòng chức năng SYT;
- Lưu: VT, TCCB, hldphuc.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KIÊN GIANG

Hồ Văn Dũng

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TTYT H. GIỒNG RIỀNG

Số: 1045 /TTYT-KHNV

V/v Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Giồng Riềng, ngày 26 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0358/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Kiên Giang cấp ngày 19/11/2018.

Địa chỉ: KP8, Thị Trấn Giồng Riềng, Huyện Giồng Riềng, Tỉnh Kiên Giang

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Lê Văn Nhì

Điện thoại liên hệ: 02972232308 Email: trungtamytegr@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Phụ lục 1)*

2. Trình độ đào tạo thực hành: đại học, cao đẳng, trung học *(Phụ lục 1)*

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: *(Phụ lục 1)*

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu *(Phụ lục 2)*.

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng. *(Phụ lục 2)*

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành *(Phụ lục 3)*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:
Như kính gửi;
Lưu: VT, KHNV

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Lê Văn Nhì

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 1 thời điểm)

(Mã ngành đào tạo căn cứ Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người thực hành tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Hồi sức	TH lâm sàng	Khoa Hồi sức	1	10	4	10	0	10
2	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Nội	TH lâm sàng	Khoa Nội	1	10	4	10	0	10
3	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Ngoại	TH lâm sàng	Khoa Ngoại	1	10	4	10	0	10
4	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Sản phụ khoa	TH lâm sàng	Khoa CSSKSS	2	20	7	20	0	20
5	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Nhi	TH lâm sàng	Khoa Nhi	2	20	7	20	0	20
6	7720115	Đại học	YHCT	YHCT	TH lâm	Khoa YHCT	1	10	4	10	0	10

					sàng							
7	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	TMH	TH lâm sàng	Khoa TMH	1	10	10	20	0	20
8	7720102	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Mắt	TH lâm sàng	Khoa Mắt	1	10	10	20	0	20
9	6720501	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	4	60	60	100	0	100
10	6720302	Cao đẳng	Y sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	2	30	30	50	0	50
11	5720302	Trung cấp	Y sỹ	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	1	15	15	25	0	25
12	7720201	Đại học	Dược học	Dược lý và dược lâm sàng	TH lâm sàng	Khoa Dược - TTB - VTYT	2	20	20	35	0	35
13	6720401	Cao đẳng	Dược học	Dược lý và dược lâm sàng	TH lâm sàng	Khoa Dược - TTB - VTYT	2	30	30	50	0	50
TỔNG CỘNG							**20**	**245**	**100**	**245**	**0**	**245**

Giồng Riềng, ngày 26 tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Lê Văn Nhì

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Đại học Y đa khoa**									
01	Hà Quốc Việt	BSCKII	Nội khoa Nhi khoa	001333/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, Nội khoa, Nhi khoa		Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Nhi	
02	Vũ Văn Thân	BSCKI	Nội khoa Nhi khoa	001238/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Nhi khoa	21	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Nhi	

03	Nguyễn Thanh Sang	BSCKI	Nội khoa	001663/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	22	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Hồi sức	
04	Hồ Minh Chánh	BSCKII	Nội khoa Da liễu	000582/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Da liễu		Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Kiểm soát bệnh tật Và HIV/AIDS	
05	Nguyễn Thanh Hoàng	BSCKI	Nội khoa	001660/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	28	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	
06	Huỳnh Thị Bảo Quỳnh	BSCKI	Sản khoa	003113/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ-KHHGĐ	19	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa CSSKSS	
07	Trương Cao Thông	BSCKI	Ngoại khoa	001711/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	KhoaNgoại Tổng hợp	
08	Nguyễn Hoàng Quý	BSCKI	TMH	004976/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh TMH		Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa TMH	

II	**Cao đẳng y sỹ đa khoa**									
09	Trần Quốc Nam	BS	Mắt	001776/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa		Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Mắt	
10	Thạch Bích Diệu	BS	Truyền nhiễm	007016/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	04	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa Truyền Nhiễm	
III	**Trung cấp y sỹ**									
11	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	BSCKI	Sản khoa	005138/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản- Phụ khoa		Thực tế tốt nghiệp Bệnh học Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa CSSKSS	
IV	**Bác sỹ YHCT**									
12	Huỳnh Thanh Hải	BSCKI	YHCT	001707/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh YHCT	35	Thực tế tốt nghiệp Bệnh học YHCT Thực hành y khoa	Dạy học TH	Khoa YHCT	
V	**Đại học Dược**									
13	Nguyễn Thanh Quyền	DS.CKI	Dược lý dược lâm	798/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức	19	Thực tế tốt nghiệp Dược lý	Dạy học TH	Khoa Dược	

TRUNG TÂ Y TẾ HUYỆN NG RIỀN

			sàng		tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc		dược lâm sàng Thực hành dược			
14	Nguyễn Duy Trinh	DS.CKI	Dược lý dược lâm sàng	572/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	21	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Dạy học TH	Khoa Dược	
VI	**Cao đẳng Dược**									
15	Lê Thị Mỹ Phương	DS.CKI	Dược lý dược lâm sàng	620/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	17	Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Dạy học TH	Khoa Dược	
16	Bùi Thế Vững	DS.CKI	Dược lý dược lâm sàng	821/CCHN-D-SYT-KG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc		Thực tế tốt nghiệp Dược lý dược lâm sàng Thực hành dược	Dạy học TH	Khoa Dược	
VII	**Cao đẳng điều dưỡng**									
17	Vi Thị Mỹ Trinh	CNĐD	Điều dưỡng	004741/KG-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số		Thực tế tốt nghiệp Thực hành lâm sàng điều	Dạy học TH	P.Điều dưỡng	

					26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số,tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		dưỡng			
18	Huỳnh Tấn Phong	CNĐD	Điều dưỡng	001748/KG-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		Thực tế tốt nghiệp Thực hành lâm sàng điều dưỡng	Dạy học TH	P.Điều dưỡng	
19	Trần Thanh Phúc	CNĐD	Điều dưỡng	001808/KG-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		Thực tế tốt nghiệp Thực hành lâm sàng điều dưỡng	Dạy học TH	P.Điều dưỡng	

20	Nguyễn Thị Trúc Phương	CNĐD	Điều dưỡng	001722/KG-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		Thực tế tốt nghiệp Thực hành lâm sàng điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa RHM	

Giồng Riềng, ngày 26 tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Lê Văn Nhì

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Hội trường			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy tính	01	
2	Máy chiếu	01	
3	Âm thanh	01	
4	Tivi	02	
5	Mạng internet	02	
6	Hội trường	02	
2. Khoa Hồi sức			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Bộ đặt nội khí quản có camera	01	
2	Máy Bơm tiêm tự động	11	
3	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	02	
4	Hệ thống đơn nguyên sơ sinh	01	
5	Lồng ấp trẻ sơ sinh	01	
6	Máy điện tim 3 cần	03	
7	Máy đo SPO2	07	
8	Máy giúp thở	04	
9	Máy ly tâm máu	01	
10	Minotor	08	
11	Máy siêu âm trắng đen xách tay	01	
12	Máy sốc tim	01	
13	Máy truyền dịch tự động	11	
14	Giường	19	
15	Cân	01	
3. Khoa Nội tổng hợp			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy điện tim	02	
2	Máy đo SPO2	01	

3	Máy phun khí dung	06	
4	Máy đo HA	05	
5	Cân	01	
6	Bình oxy	01	
7	Giường	89	

4. Khoa Ngoại tổng hợp

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn nắm xương bó bột	01	
2	Giường cấp cứu	03	
3	Máy cưa cắt bột dùng điện	02	
4	Máy điện tim	01	
5	Máy đo SPO2	01	
6	Cân	01	
7	Máy đo nồng độ oxy	01	
8	Giường	32	
9	Máy đo HA	02	

5. Khoa Nhi

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy Bơm tiêm điện	08	
2	Máy đo SPO2	02	
3	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	02	
4	Máy truyền dịch tự động	03	
5	Máy đo HA	06	
6	Cân	02	
7	Bình oxy	01	
8	Giường	100	

6. Khoa Truyền nhiễm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy điện tim 3 kênh	01	
2	Bộ đặt nội khí quản 5 lưỡi	01	
3	Giường đa năng có bánh xe	02	
4	Máy đo SPO2	01	
5	Máy đo HA	03	
6	Cân	01	

7	Máy test đường huyết	01	
8	Máy phun khí dung	02	
9	Máy oxy nguồn	04	
7. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy bơm tiêm điện	01	
2	Máy siêu âm trắng đen xách tay 01 đầu dò	01	
3	Bàn hồi sức sơ sinh (có đèn sưởi ấm)	01	
4	Bàn khám phụ khoa Gavi	02	
5	Bàn làm rốn sơ sinh	01	
6	Xe tắm trẻ sơ sinh	01	
7	Bộ dụng cụ sanh	01	
8	Bộ máy soi cổ tử cung	02	
9	Đèn khám bệnh loại đứng Gavi	01	
10	Giường đa năng	03	
11	Máy điện tim 3 cần	01	
12	Máy đo tim thai bằng sóng siêu âm	02	
13	Máy dopler tim thai (Minotor)	03	
14	Máy phun khử khuẩn	02	
15	Máy truyền dịch tự động	01	
16	Cân	02	
17	Bộ đo HA	03	
18	Giường bệnh	32	
19	Bộ sanh	15	
20	Bộ khám phụ khoa	15	
21	Bàn sanh	06	
8. Khoa YHCT			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy nấu thuốc bắc kèm đóng túi 3 bếp	01	
2	Máy nấu thuốc tự động	01	
3	Máy điện châm	30	
4	Cân	01	
5	Bộ đo HA	03	
6	Giường	32	

9. Khoa Phục hồi chức năng			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Bơi thuyền tập cho người khuyết tật vận động	01	
2	Đai kéo lưng sử dụng máy kéo giãn cột sống lưng, ngực cổ (1 bộ gồm đai lưng, đai mông)	02	
3	Ghế tập co đùi sắt cho người khuyết tật	01	
4	Giường xiên quay tập đứng bệnh nhân lớn	01	
5	Hệ thống giường kéo giãn cột sống cổ và lưng	03	
6	Khung quay tập khớp vai cho người khuyết tật vận động	01	
7	Máy điện phân (Máy kích thích điện)	01	
8	Máy lase	01	
9	Máy siêu âm sóng ngắn	01	
10	Máy sóng ngắn trị liệu	01	
11	Máy từ trường nhiệt	01	
12	Máy từ trường vòng (Máy tạo sóng rung)	01	
13	Thùng nấu sáp Paraffin	01	
14	Bộ đo HA	01	
15	Máy siêu âm	01	
16	Đèn chiếu hồng ngoại	15	
17	Thanh song song tập đi + gương	01	
18	Ròng rọc kéo tay	01	
19	Xe lăn	01	
10. Khoa Cấp cứu			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Bộ đặt nội khí quản	05	
3	Monitor	06	
4	Hệ thống bơm rửa dạ dày tự động	01	
5	Máy đo SpO2	06	
6	Bơm tiêm tự động	06	
7	Máy truyền dịch	02	
8	Máy đo điện tim	02	
9	Máy hút dịch	02	
10	Máy siêu âm tại giường	01	
11	Máy sốc điện	01	
12	Máy thở	01	

13	Giường	12	
14	Máy test đường huyết	01	
15	Máy phun khí dung	05	
16	Bóng Ambu	06	
17	Máy hút đàm	01	
18	Bình oxy	02	

11. Khoa Tai Mũi Họng

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy nội soi TMH	02	
2	Bộ dụng cụ cầm tay trong phẫu thuật	01	
3	Đèn soi tai	03	
4	Đèn Clar	02	
5	Bộ nạo V.A	01	
6	Bộ cắt Amidan	01	
7	Bộ chỉnh hình vách ngăn mũi	01	
8	Bộ mở khí quản	01	
9	Bộ phẫu thuật nội soi mũi xoang	01	
10	Bộ tiểu phẫu	01	
11	Bộ dò luân nhĩ	01	
12	Bộ khám	07	
13	Bộ rửa vết thương	04	
14	Bình hút dịch	02	
15	Cân	01	
16	Giường	08	

12. Khoa Mắt

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo khúc xạ	01	
2	Máy mổ Phaco	01	
3	Máy siêu âm mắt A/B	01	
4	Kính sinh hiển vi khám mắt	01	
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật ngoài bao	01	
6	Giường	11	
7	bộ đo HA	02	
8	Cân	01	

9	Đèn Clar	01	
10	Hộp kính thử thị lực	01	
11	Hộp đèn thử thị lực	02	
12	Kính 4 gương	01	
13	Kính Ocular	01	
14	Nồi hấp tiệt trùng	01	
15	Máy đo độ cong giác mạc (Javal kế)	01	
16	Gọng kính thử thị lực	01	
13. Khoa Răng Hàm Mặt			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy cạo vôi răng	01	
2	Máy chụp Xquang quanh chóp	01	
3	Tay khoan siêu tốc	02	
4	Máy đo HA	02	
5	Tay khoan tốc độ chạm	01	
6	Điện Halogen	01	
14. Khoa Nội Tim Mạch			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy bơm tiêm điện	02	
2	Máy điện tim	01	
3	Máy đo nồng độ bão hòa oxy pm10n	01	
4	Máy đo SPO2	01	
5	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	
6	Máy phun khí dung	04	
7	Cân	01	
8	Máy đo HA tự động	01	
9	Máy bơm tiêm tự động	01	
10	Máy điện tim 3 kênh	01	
11	Máy đo nồng độ oxy	01	
12	Máy điện tim 3 cần	01	
13	Giường	77	
15. Khoa Lão Học			
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**Ghi chú**
1	Máy điện tim 3 kênh	01	

2	Giường đa năng	08	
3	Máy điện tim 3 cần	01	
4	Cân	01	
5	Máy đo SPO2	01	
6	Giường	64	
7	Máy đo HA tự động	01	
8	Máy phun khí dung	05	
9	Huyết áp tay + ống nghe	05	

Giồng Riềng, ngày 26 tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GIỒNG RIỀNG

Lê Văn Nhì